

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Ngọc Hồng
2. Bà Dương Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Lư Ngọc Thiên An – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ông Trương Văn P, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: 172 ấp M, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2- Bị đơn: Bà Huỳnh Thu H, sinh năm 1971,

Địa chỉ: 78F ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/01/2021, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Văn P trình bày:

Ông P và bà Huỳnh Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 29/08/2002. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2015, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn hạnh phúc và đã nhiều lần bàn bạc nhưng không đạt kết quả. Ông P đã không còn chung sống với bà H từ năm 2015 đến nay.

Ông P xác định không còn tình cảm với bà H nên ông P nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông P được ly hôn với bà Huỳnh Thu H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Huỳnh N, sinh ngày 22/10/2002, hiện cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P khai vợ chồng ông không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2021 bị đơn bà Huỳnh Thu H trình bày:

Bà H và bà Trương Văn P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng 06 năm nay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng bà H đã ly thân khoảng 06 năm nay. Nay ông Trương Văn P xin ly hôn thì bà H đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông P có 01 con chung tên Trương Huỳnh N, sinh ngày 22/10/2002, hiện cháu N đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai vợ chồng bà không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, không có thời gian đến Tòa án được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và cam kết không khiếu nại gì về sau.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Văn P, Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Huỳnh N, sinh ngày 22/10/2002, hiện đã trưởng thành; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trương Văn P yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thu H, bà H có nơi cư trú tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre. Bà Huỳnh Thu H có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Khoản 1, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Trương Văn P và Huỳnh Thu H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên hôn nhân của ông P và bà H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống ông P, bà H sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không còn sống chung từ năm 2016 đến nay. Vụ việc đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng ông P, bà H thực tế có xảy ra và đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của ông P đối với bà H phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông P, bà H có 01 con chung tên Trương Huỳnh N, sinh ngày 22/10/2002, hiện đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông P, bà H đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông P, bà H đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 227 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Văn P đối với bà Huỳnh Thu H. Ông Trương Văn P được ly hôn với bà Huỳnh Thu H. Quan hệ hôn nhân giữa ông Trương Văn P và bà Huỳnh Thu H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Huỳnh N, sinh ngày 22/10/2002, hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Ông Trương Văn P và bà Huỳnh Thu H đều khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Ông Trương Văn P và bà Huỳnh Thu H đều khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng ông Trương Văn P phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005401 ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Ông Trương Văn P đã nộp xong án phí.

Ông Trương Văn P có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Huỳnh Thu H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND xã M, TP B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Văn Trình

